TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 07/7/2023
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Danh Sà KhoL**

Ông **Nguyễn Tấn Lập**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Ông **Bùi Đức Mậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc: "*Xin ly hôn và nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Bé T**, sinh năm 1980 (Có mặt).

HKTT: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh V.

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Bé T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị T và anh D tìm hiểu và yêu thương nhau, cùng chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện B, tỉnh V cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/10/2003. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã và xô xát lẫn nhau. Đến đầu năm 2023 do mâu thuẫn nên chị T và anh D đã ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn D.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Văn X, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2002 (đã trưởng thành) và Trần Thị Yến Ng, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2007 hiện đang ở với anh D. Sau khi ly hôn chị T đồng ý giao con chung tên Trần Thị Yến Ng cho anh D nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn D trình bày như sau*:

- Về hôn nhân: Anh D và chị T tự tìm hiểu yêu thương nhau, cùng chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện B, tỉnh V cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/10/2003. Quá trình chung sống với chị T lúc đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau và có xô xát với nhau. Đến đầu năm 2023 do mâu thuẫn nên anh D và chị T đã ly thân nhau đến nay. Tuy nhiên, anh D vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Văn X, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2002 (đã trưởng thành) và Trần Thị Yến Ng, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2007. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh D yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thị Yến Ng và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bé T về việc xin ly hôn với anh Trần Văn D; Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh D, giao cháu Trần Thị Yến Ng, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2007 cho anh D nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Riêng con chung tên Trần Văn X, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2002 đã trưởng thành chị T và anh D không yêu cầu nên không xét. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: áp dụng áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: Chị Lê Thị Bé T nộp án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Bé T thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp H, xã M, huyện H nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về nội dung vụ án*:*

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bé T và anh Trần Văn D là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã T, huyện B, tỉnh V cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/10/2003. Quá trình chung sống giữa chị T và anh D phát sinh mâu thuẫn do không

hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau và có xô xát với nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn D. Trong quá trình giải quyết vụ án anh D không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên chị T cho anh D thời gian để hàn gắn nhưng không được.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh D không còn khả năng đoàn tụ vì theo chị T trình bày thì giữa anh, chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau và có xô xát với nhau. Anh D cũng thừa nhận điều nay và anh chị đã sống ly thân đầu năm 2023 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì anh chị cũng không quan tâm, hỏi han gì đến nhau, chị T cương quyết ly hôn, không có ý muốn hàn gắn với anh D. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Bé T được ly hôn với anh Trần Văn D là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Văn X, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2002 (đã trưởng thành) và Trần Thị Yến Ng, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2007. Anh D yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Ng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Ng từ trước đến nay đều sống với anh D và cũng có nguyện vọng được sống với cha (anh D) khi cha mẹ ly hôn và chị T cũng đồng ý với yêu cầu này của anh D nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D. Giao cháu Trần Thị Yến Ng, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2007 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Riêng người con chung tên Trần Văn X đã trưởng thành chị T và anh D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lê Thị Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Về tài sản chung: Các bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên Xử</u>:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bé T về việc xin ly hôn với anh Trần Văn D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bé T được ly hôn với anh Trần Văn D.

2/. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Trần Thị Yến Ng, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2007 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Riêng cháu Trần Văn X, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2002 đã trưởng thành chị T và anh D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lê Thị Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Bé T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung: Các bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

4/. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009872 ngày 16/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Lê Thị Bé T không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thanh Sang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội Thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đinh Thị Phương Lan	**Nguyễn Thị Hồng Ánh**	**Cao Quốc Chiến**